

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 17/ĐÌNH BÁCH/2018

I. Thông tin về tổ chức cá nhân công bố sản phẩm:

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY TNHH ĐÌNH BÁCH**

Địa chỉ: 01 Lê Quang Định, Phường 13, Quận 5, Tp.Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028.668 10416

Email: honghanh@dinhbach.com

Mã số doanh nghiệp: 0312627075

II. Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: Muỗng nhựa mềm Pur (Pur Soft Tip Spoon)

2. Thành phần: Sản phẩm bằng cao su mềm TPR.

3. Hạn sử dụng: Không áp dụng.

4. Hướng dẫn sử dụng và bảo quản: dùng để xúc thức ăn.

Rửa sạch và để nơi khô ráo sau mỗi lần sử dụng.

5. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng gói trong vỉ nhựa chất lượng cao hoặc vỉ giấy, bảo đảm vệ sinh và an toàn khi vận chuyển.

- Quy cách đóng gói: 02 chiếc/vỉ.

6. Tên và địa chỉ nhà sản xuất:

- Tên nhà sản xuất: Royal Industries (Thailand) Public Company Limited.

- Địa chỉ: 126 Moo 6, Sethakij 1 Road, Omnoi, Krathumban, Samutsakorn 74130, Thailand.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (Đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến).

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Tổ chức kinh doanh sản phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia số: QCVN 12-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm bằng cao su.

Chúng tôi cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Tp Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 08 năm 2018

CÔNG TY TNHH ĐÌNH BÁCH

(Ký tên, chức vụ, đóng dấu)

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Kim Tùng

BẢNG THÔNG TIN CHI TIẾT

1. Yêu cầu kỹ thuật:

1.1. Các chỉ tiêu cảm quan:

- Trạng thái: thành phẩm dạng muỗng.
- Màu sắc: tím, hồng, cam, vàng, xanh lá, xanh dương.
- Mùi vị: Không mùi.

1.2. Các chỉ tiêu về mức thời nhiễm:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Hàm lượng phenol trong nước sau 24h ở 40 ⁰ C.	µg/ml	5
2	Thử Formaldehyde trong nước sau 24h ở 40 ⁰ C	-	Âm tính
3	Kim loại nặng (quy ra chì) trong Acid acetic 4% sau 24h ở 40 ⁰ C.	µg/ml	1
4	Hàm lượng kẽm trong nước sau 24h ở 40 ⁰ C	µg/ml	1
5	Hàm lượng cặn khô trong nước sau 24h ở 40 ⁰ C	µg/ml	40

1.3. Các chỉ tiêu về thử vật liệu:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Hàm lượng chì	µg/g	10
2	Hàm lượng cadmin	µg/g	10

Chúng tôi cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Tp Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 08 năm 2018

CÔNG TY TNHH ĐÌNH BÁCH

(Ký tên, chức vụ, đóng dấu)

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Kim Tùng

MẪU NHÃN SẢN PHẨM

Mặt trước

Muỗng nhựa mềm Pur (Pur Soft Tip Spoon)
Số công bố: 17/ĐÌNH BÁCH/2018
(MS: 5404)
Quy cách đóng gói: 2 chiếc/vi

Thành phần cấu tạo: làm bằng cao su mềm TPR

Hướng dẫn sử dụng: Dùng để xúc thức ăn

Cách giữ vệ sinh, tiết khuẩn:

- Rửa bằng nước rửa chén, nước rửa bình sữa ấm, rửa lại bằng nước sạch.
- Một số dung dịch diệt trùng hoặc thức ăn có thể để lại dấu vết trên đầu muỗng, đây là điều bình thường, không gây hại.
- Có thể dùng trong máy rửa chén bát (ngăn trên cùng), an toàn khi diệt trùng.
- Cất trữ trong vật chứa khô ráo có nắp đậy.

Mặt sau

Xuất xứ: Thái Lan

Nhà sản xuất: Royal Industries (Thailand) Public Company Limited.
Địa chỉ: 126 Moo 6, Sethakij 1 Road, Omnoi, Krathumban, Samutsakorn 74130, Thailand.

Nhà nhập khẩu: Công ty TNHH Đình Bách

01 Lê Quang Định, Phường 13, Quận 5, Tp. Hồ Chí Minh;

ĐT: 028.668.10416

Email: info@dinhbach.com;

Website: www.purvietnam.com

Nhà phân phối: Công ty TNHH

PP&DV Hùng Cường

Địa chỉ: E6/36A Thới Hòa, Ấp 5, Xã Vĩnh Lộc A,

Huyện Bình Chánh, TP.HCM

Điện thoại: 028.7300.9888

Ngày sản xuất: xem "MFG" trên bao bì

Hạn sử dụng: 5 năm kể từ ngày sản xuất

Tp Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 08 năm 2018

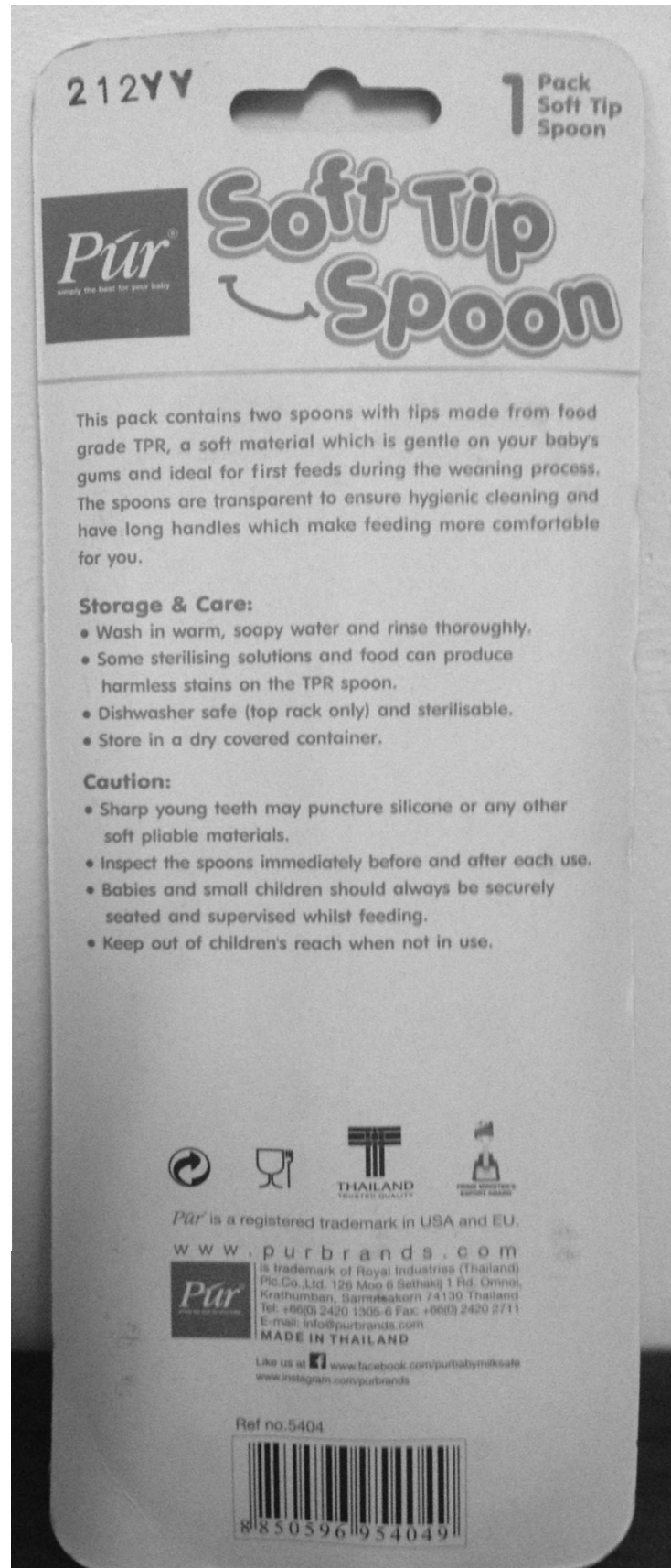
CÔNG TY TNHH ĐÌNH BÁCH

(Ký tên, chức vụ, đóng dấu)

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Kim Tùng



KT3-03964AHD8

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT03/08/2018
Page 01/03

1. Tên mẫu : MUỖNG NHỰA MỀM PUR (PUR SOFT TIP SPOON)
Name of sample
2. Số lượng mẫu : 01
Quantity
3. Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.
Description 08 muỗng trong có cán nhựa cam, hồng, xanh dương
4. Ngày nhận mẫu : 25/07/2018
Date of receiving
5. Nơi gửi mẫu : CÔNG TY TNHH ĐÌNH BÁCH
Customer 1 Lê Quang Định, P.13, Q.5, TP Hồ Chí Minh
6. Thời gian thử nghiệm : 26/07/2018 – 03/08/2018
Test period
7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang 02/03 – 03/03
Test result See page

P.TRƯỞNG PTN HÀNG TIÊU DÙNG
DEPUTY HEAD OF CONSUMER
PRODUCTS TESTING LAB.

**Nguyễn Thị Thùy Nhi**

TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HEAD OF TESTING LAB.

**Phan Thanh Trung**

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

03/08/2018

Page 02/03



Tên chỉ tiêu <i>Characteristic</i>	Đơn vị tính <i>Unit</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>	Mức yêu cầu/ <i>require ment (*)</i>	Giới hạn phát hiện/ <i>Limit detection</i>	Kết quả thử nghiệm <i>Test result</i>
7.1 Định danh cao su / <i>Identification of rubber</i>	-	ASTM E 1252 - 98	-		Styrene ethylene propylene styrene copolymer
<u>THỬ VẬT LIỆU/ MATERIAL TEST</u>					
7.2 Hàm lượng chì/ <i>Lead content</i>	µg/g	QCVN 12-2 : 2011/BYT	≤ 10		
• Màu trong				5,0	KPH/ND
• Màu cam				5,0	KPH/ND
• Màu hồng				5,0	KPH/ND
• Màu xanh				5,0	KPH/ND
7.3 Hàm lượng cadimi/ <i>Cadmium content</i>	µg/g	QCVN 12-2 : 2011/BYT	≤ 10		
• Màu trong				5,0	KPH/ND
• Màu cam				5,0	KPH/ND
• Màu hồng				5,0	KPH/ND
• Màu xanh				5,0	KPH/ND
<u>THỬ NGÂM THÔI NHIỄM/ ELUTION TEST</u>					
7.4 Hàm lượng phenol trong nước sau 24 h ở 40 °C/ <i>Phenol content in water after 24 h at 40 °C,</i>	µg/mL	QCVN 12-2 : 2011/BYT	≤ 5	5,0	KPH/ND
7.5 Thử formaldehyde trong nước sau 24 h ở 40 °C/ <i>Formaldehyde test in water after 24 h at 40 °C,</i>	-	QCVN 12-2 : 2011/BYT	Âm tính <i>Negative</i>	-	Âm tính <i>Negative</i>
7.6 Hàm lượng kẽm trong nước sau 24 h ở 40 °C/ <i>Zinc content in water after 24 h at 40 °C,</i>	µg/mL	QCVN 12-2 : 2011/BYT	≤ 1	0,1	KPH/ND
7.7 Kim loại nặng (quy ra chì) trong acetic acid 4% sau 24 h ở 40 °C/ <i>Heavy metals (as Pb) in 4% acetic acid after 24 h at 40 °C,</i>	µg/mL	QCVN 12-2 : 2011/BYT	≤ 1	-	< 1,0
7.8 Hàm lượng cặn khô trong nước sau 24 h ở 40 °C/ <i>Evaporation residue in water after 24 h at 40 °C</i>	µg/mL	QCVN 12-2 : 2011/BYT	≤ 40	5,0	KPH/ND



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

03/08/2018

Page 03/03

Ghi chú/ Note:

Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến/ *Test results are valid for the namely submitted sample only*

(*) - Theo Yêu cầu kỹ thuật của QCVN 12-2 : 2011/BYT/ *According to Technical specification of QCVN 12-2 : 2011/BYT*

(**) Giới hạn phát hiện định lượng/ *Limit of quantitation*

KPH/ND : Không phát hiện/ *Not detected*

Nhận xét/**Comment:**

Phiếu kết quả thử nghiệm trên đây ghi nhận kết quả thử nghiệm của 8 trên tổng số 8 chỉ tiêu theo quy định của QCVN 12-2 : 2011/BYT . Mẫu có kết quả thử nghiệm ở tất cả các chỉ tiêu nêu tại mục 7 của PKQTN đều phù hợp với mức qui định của QCVN 12-2 : 2011/BYT

This testing reports recorded testing results of 8 per 8 test items as regulated in QCVN 12-2 : 2011/BYT . Sample has all testing results indicated on section No 7 of testing reports are conformed to limits specified in QCVN 12-2 : 2011/BYT .

QUATEST 3®

